TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-PT
Ngày: 03 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế;
Hợp đồng vay tài sản;
Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất;
Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/02/202 và 03/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về Tranh chấp chia thừa kế; Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 447/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Trương Văn L, sinh năm 1965;

2. Trương Thị Dung, sinh năm 1957 (Chết 01/4/2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trương Thị Dung:

2.1. Kha Phú Đ, sinh năm 1957;

2.2. Kha Phú Đ, sinh năm 1980;

2.3. Kha Thị Kim Hạnh, sinh năm 1987;

*Người **Đ** diện theo ủy quyền của ông Đ, anh Đ và chị Hạnh là*: Ông Trương Văn L, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Hòa, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Trương Văn C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Hòa, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người **Đ** diện theo ủy quyền của ông C là*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số nhà 78, Ấp Vĩnh Phú, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2021, vắng mặt ngày 03/3/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Thị Thanh V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Hòa, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người **Đ** diện theo ủy quyền của bà V là*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: số nhà 78, Ấp Vĩnh Phú, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021, vắng mặt ngày 03/3/2023).

2. Trương Thị Ẩ, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Hòa, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà 460, Khóm Phú Mỹ Thành, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các Nguyên đơn:

+ Ông Trương Văn L trình bày:

Cụ Huỳnh Thị Ảnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thửa số 02, diện tích là 11.775m^2 được cấp theo quyết định số 01/QĐ-UB ngày 14/01/1997, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Ảnh, tuy nhiên đây là phần đất của cụ Ảnh. Hộ cụ Ảnh tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 gồm: Huỳnh Thị Ảnh, Trương Thị Dung, Trương Văn C, Trương Tấn Phước (Chết năm 1976), Kha Phú Ba, Kha Phú Đ, Kha Phú Đ. (Kha Phú Đ là chồng bà Dung, Kha Phú Đ, Kha Phú Ba là con bà Dung). Kha Phú Ba (Con bà Dung chết khi còn nhỏ), Kha Phú Đ, Kha Phú Đ không có liên quan đến phần đất của hộ cụ Ảnh.

Cụ Ảnh chết vào ngày 01/01/2010 hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ảnh gồm: Cụ Trương Văn Hậu là chồng cụ Ảnh (Chết năm 1983); Trương Thị Dung; Trương Thị **Ẩ**, Trương Văn L, Trương Văn C; Trương Tấn Phước (chết năm 1976) ông Phước chết không có vợ con.

Trong thời gian chung sống với cụ Ảnh, thì ông C giả mạo chữ ký của cụ Ảnh, bà Dung, bà **Ẩ** làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/8/1999, tên hợp đồng ghi là hợp đồng chuyển nhượng nhưng nội dung là tặng cho quyền sử dụng đất (gọi tắt là hợp đồng tặng cho); Tờ giao đất cho con ngày 05/8/1999 (gọi tắt là tờ cho đất) để ông C được hưởng toàn bộ thửa số 02, tổng diện tích 11.775m^2. Căn C vào hợp đồng tặng cho và tờ cho đất, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C vào ngày 09/9/1999, đất thuộc thửa số 68, 69 cùng tờ bản đồ số 02, diện tích 11.775m^2. Sau đó ông C được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa số 68, 69, cùng tờ bản đồ số 02, diện tích 11.775m^2 thành thửa số 45, tờ bản đồ số 15, diện tích 12.127m^2, đo đạc thực tế là 12.474m^2 (gọi tắt là thửa 45) và thửa số 167, tờ bản đồ số 15, diện tích là 722m^2, đo đạc thực tế 559m^2 (gọi tắt là thửa 167) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/9/2010 cho ông C, bà V.

Trong quá trình ông C canh tác 02 thửa đất trên, ông có trả tiền Ngân hàng và UBND xã An Nhơn thay cho ông C (với số tiền trả cho Ngân hàng là: 50.000.000 đồng; UBND xã An Nhơn là: 14.000.000 đồng). Ngoài ra khi cụ Ảnh còn sống đã tặng cho ông C 6.000m^2 ông C cũng đã bán cho bà **Ẩ**. Ông không yêu cầu ông C trả số tiến mà ông đã trả cho Ngân hàng và UBND xã An Nhơn, ông yêu cầu cấn trừ số tiền này để lấy suất thừa kế của ông C, đồng thời việc ông C giả mạo chữ ký để được đứng tên đất nên không được quyền hưởng di sản thừa kế.

Quá trình canh tác thửa đất 45 và 167 như sau: Bà Dung canh tác khoảng 2.000m^2 thuộc một phần thửa số 45 từ năm 1988 cho đến nay. Ông canh tác phần còn lại của thửa 45 và thửa 167 từ năm 1988 đến 1994. Từ năm 1994 đến năm 2000 ông C mượn để canh tác. Đến khoảng cuối năm 2000 thì ông C không canh tác mà bỏ phần đất ông L canh tác. Đến năm 2010 ông C về canh tác tiếp đến năm 2019. Từ năm 2019 đến nay do ông C không chịu chia thừa kế phần đất thửa số 45, 167 nên ông sử dụng cho đến nay. Ngoài ra thửa đất số 45, 167 bị thu hồi một phần và được bồi thường do mở rộng đường Huyện lộ sông Tiền với số tiền bồi thường là 93.908.400 đồng (trong đó bồi thường về đất là 53.133.900 đồng; Yêu cầu bồi thường đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp là 40.744.000 đồng), ông chỉ yêu cầu chia 02 khoản tiền bồi thường này không yêu cầu chia các khoản tiền bồi thường khác. Ông L thừa nhận toàn bộ cây trồng trên thửa đất số 45 và 167 là của ông C, bà Dung trồng đã được thể hiện qua Biên bản định giá tài sản.

Nay ông yêu cầu như sau:

Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho ngày 14/8/1999 và tờ cho đất là vô hiệu.

Ông L yêu cầu được chia diện tích 5.735m^2 thuộc thửa số 45 thể hiện qua các mốc 7, 8, 9, 10, 11, 16, 15, 7 và diện tích 279,5m^2 thuộc thửa số 167 thể hiện qua các mốc 17, 18, 19, 20, 21, 26, 17 (Theo Sơ đồ phương án 2).

Trên phần đất tranh chấp chỉ có cây trồng của ông C, bà V và cây trồng của bà Dung. Trường hợp được chia thừa kế trên phần đất ông L được nhận có cây trồng của ông C, bà V, ông L không trả giá trị cây trồng cho ông C, bà V và yêu cầu tiếp sử dụng các cây trồng này. Ông L đồng ý trả giá trị cây trồng cho bà Dung.

Ông L yêu cầu được chia tiền bồi thường do mở rộng đường lộ sông Tiền với số tiền là 47.000.000 đồng (Trường hợp ông C, bà V đã nhận số tiền này ông L yêu cầu ông C, bà V trả cho ông).

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Dung: Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh, Kha Phú Đ (Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh, Kha Phú Đ cùng ủy quyền cho Trương Văn L) trình bày:

Ông Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh thống nhất theo lời trình bày của ông L về nguồn gốc đất, diện tích đất, thành viên hộ cụ Ảnh,

hàng thừa kế của cụ Ảnh.

Bà Dung chết ngày 01/4/2021, hàng thừa kế của bà Dung gồm: Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh theo tờ khai hàng thừa kế ngày 13/04/2021 có xác nhận của UBND xã An Nhơn. Ngoài ra thửa đất số 45, 167 bị thu hồi một phần và được bồi thường do mở rộng đường Huyện lộ Sông Tiền với số tiền bồi thường là 93.908.400 đồng (Trong đó bồi thường về đất là 53.133.900 đồng; Yêu cầu bồi thường đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp là 40.744.000 đồng). Bà Dung chỉ yêu cầu được chia 02 khoản tiền bồi thường này không yêu cầu chia các khoản tiền bồi thường khác.

Nay những người thừa kế của bà Dung yêu cầu:

Đối với thửa đất số 45, 167 yêu cầu được chia diện tích 5.735m^2 thửa số 45 thể hiện qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 và diện tích 279,5m^2 thửa 167 thể hiện qua các mốc 21, 22, 23, 24, 25, 26, 21 (theo sơ đồ phương án 2). Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh không đồng ý trả giá trị cây trồng trên đất cho ông C, bà V.

Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho ngày 14/8/1999 và tờ cho đất là vô hiệu.

Được nhận 46.908.400 đồng (Trường hợp ông C, bà V đã nhận số tiền này thì bà yêu cầu ông C, bà V trả lại cho những người thừa kế của bà Dung).

- Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có người **Đ** diện là ông Nguyễn Văn **Đ** trình bày:

Nguồn gốc thửa số 45, 167 trước đây là của cụ Ảnh, cụ Ảnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Đến năm 1999 hộ gia đình cụ Ảnh tặng cho thửa đất 45, 167 cho ông C nhưng toàn bộ chữ ký trong Tờ giao đất ngày 05/8/1999 và Hợp đồng tặng cho ngày 14/8/1999 gồm chữ ký, chữ viết của cụ Ảnh, bà Dung, bà **Ẩ** trong 02 văn bản trên là do ông C ký, viết ra. Ông C dựa vào những giấy tờ này đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1999 đất thuộc thửa số 68, 69 tờ bản đồ số 02. Đến năm 2010 thì ông C cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa số 45, tờ bản đồ số 15, diện tích 12.127m^2 (đo đạc thực tế là 12.474m^2) và thửa số 167, tờ bản đồ số 15, diện tích là 722m^2 (đo đạc thực tế 559m^2). Ngoài những giấy tờ cho đất cho con ngày 05/8/1999 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất ngày 14/8/1999 thì cụ Ảnh không có để lại di chúc hay văn bản nào khác.

Hộ cụ Ảnh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 gồm: Huỳnh Thị Ảnh, Trương Thị Dung, Trương Văn C, Trương Tấn Phước (Chết năm 1976), Kha Phú Ba, Kha Phú Đ, Kha Phú Đ (Kha Phú Đ là chồng bà Dung; Kha Phú Đ, Kha Phú Ba là con bà Dung). Kha Phú Ba (Con của bà Dung chết khi còn nhỏ), Kha Phú Đ, Kha Phú Đ không có liên quan đến phần đất của hộ cụ Ảnh.

Cụ Ảnh chết vào ngày 01/01/2010 hàng thừa kế thứ nhất của Ảnh gồm: Cụ Trương Văn Hậu là chồng cụ Ảnh (chết năm 1983); Trương Thị Dung; Trương Thị **Ẫ**, Trương Văn L, Trương Văn C; Trương Tấn Phước (chết năm 1976) ông Phước chết không có vợ con.

Đối với phần đất ông L trình bày diện tích 6.000m^2 trước đây cụ Ảnh chuyển nhượng cho bà **Ẫ**, diện tích đất này cụ Ảnh không cho ông C, sau khi nhận chuyển nhượng từ cụ Ảnh thì bà **Ẫ** tự đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông C, bà V cho rằng thửa đất số 45 và 167 trước đây là của cụ Ảnh, cụ Hậu cùng tạo lập, cụ Hậu chết năm 1983 nên yêu cầu áp dụng thời thiều chia thừa kế, do đó ½ diện tích đất thửa số 45, 167 của cụ Hậu thì ông C, bà V được hưởng ½ diện tích đất còn lại thửa đất 45, 167 còn lại thì ông C, bà V yêu cầu chia theo pháp luật.

Quá trình quản lý sử dụng đất như sau: Một phần đất thửa số 45 (Diện tích 2.000m^2) bà Dung sử dụng từ năm 1988 cho đến nay. Diện tích còn lại là ông C canh tác đến năm 2000 thì ông L lấy lại canh tác đến năm 2009, năm 2010 ông C tiếp tục canh tác đến tháng 5/2019 thì ông L tranh chấp và bỏ cho đến nay không ai canh tác.

Ông C thừa nhận năm 1999 ông L có trả cho UBND xã An Nhơn số tiền 14.000.000 đồng tuy nhiên khi huyện lộ được làm lần đầu tiên thì ông L đã nhận tiền bồi thường rồi. Năm 2000 thì ông L canh tác thửa 45, 167 nên ông L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp số tiền là 50.000.000 đồng. Hai khoản tiền này là tiền ông C nợ Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp và UBND xã An Nhơn. Tuy nhiên ông L

không có yêu cầu trong vụ án này nên ông C, bà V không có ý kiến, còn việc ông L yêu cầu cấn trừ số tiền này và suất thừa kế của ông C, bà V không đồng ý.

Thửa đất số 45, 167 bị thu hồi một phần và được bồi thường do mở rộng đường Huyện lộ Sông Tiền với số tiền bồi thường là 93.908.400 đồng (Trong đó bồi thường về đất là 53.133.900 đồng; Yêu cầu bồi thường đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp là 40.744.000 đồng). Ông C, bà V chỉ đồng ý chia tiền bồi thường đất, không đồng ý chia tiền bồi thường nghề nghiệp.

Do đó, ông C và bà V yêu cầu như sau:

Ông C, bà V đồng ý hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/8/1999 và tờ cho đất là vô hiệu.

Ông C, bà V không đồng ý chia thừa kế thửa số 45, 167 theo yêu cầu của ông L, bà Dung và bà **Ẩ**.

Ông C, bà V yêu cầu được chia diện tích 7.487m^2 thuộc thửa số 45 thể hiện qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1 và 451m^2 thuộc thửa số 167 thể hiện qua các mốc 25, 26, 27, 28, 25 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Sơ đồ phương án 5).

Đối với cây trồng trên phần đất ông C, bà V yêu cầu ai nhận phần đất có cây trồng của ông C, bà V thì phải trả giá trị cho ông C, bà V (Giá trị cây trồng theo biên bản định giá của từng phương án tương ứng). Ông C, bà V không yêu cầu người nhận thừa kế phải trả tiền công giữ gìn, san lấp, tôn tạo đất.

Về số tiền bồi thường mở rộng đường ông C, bà V chỉ đồng ý chia tiền bồi thường đất, cụ thể chia làm 03 phần (Tiền bồi thường về đất là 53.133.900 đồng/3 = 17.711.300 đồng). Còn các khoản tiền khác như chuyển đổi nghề nghiệp, tài sản, cây trồng thì ông C, bà V không đồng ý chia do các tài sản này của ông C, bà V.

Đối với yêu cầu của chị **T** thì ông C, bà V đồng ý trả cho chị **T** 200.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị **T**. Trường hợp ông C, bà V không trả được nợ thì ông C, bà V đồng ý giao tài sản thế chấp là thửa 167 để chị **T** thu hồi nợ.

- Những Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

+ Bà Trương Thị **Ẩ** trình bày:

Cụ Ảnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 02, diện tích là 11.775m^2 được cấp theo quyết định số 01/QĐ-UB ngày 14/01/1997, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Ảnh, tuy nhiên đây là phần đất của cá nhân cụ Ảnh. Ông C giả mạo chữ ký của cụ Ảnh và các thành viên trong hộ để làm hợp đồng tặng cho ông C. Hộ cụ Ảnh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 gồm: Huỳnh Thị Ảnh, Trương Thị Dung, Trương Văn C, Trương Tấn Phước (Chết năm 1976), Kha Phú Ba, Kha Phú Đ, Kha Phú Đ (Kha Phú Đ là chồng bà Dung; Kha Phú Đ, Kha Phú Ba là con bà Dung). Kha Phú Ba (Con của bà Dung chết khi còn nhỏ), Kha Văn Đ, Kha Phú Đ không có liên quan đến phần đất của hộ cụ Ảnh.

Cụ Ảnh chết vào ngày 01/01/2010, hàng thừa kế thứ nhất của Ảnh gồm: Ông Trương Văn Hậu là chồng cụ Ảnh (Chết năm 1983); Trương Thị Dung; Trương Thị **Ẩ**, Trương Văn L, Trương Văn C; Trương Tấn Phước (Chết năm 1976) ông Phước chết không có vợ con. Phần đất bà Ảnh mua 6.000m^2 là do ông C chuyển nhượng cho bà **Ẩ**, cụ Ảnh không có chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng cụ Ảnh còn sống và biết việc này, lúc chuyển nhượng thì chưa ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng bà **Ẩ** tự đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do trước khi mất cụ Ảnh nói tặng cho bà **Ẩ** 1.000m^2 (Đo đạc thực tế là 1.004m^2) thể hiện qua các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17, 12 (Sơ đồ phướng án 3) nên bà **Ẩ** chỉ nhận diện tích này không yêu cầu chia thừa kế thêm, trường hợp có chia thêm bà **Ẩ** từ chối nhận. Bà **Ẩ** đồng ý trả giá trị cây trồng trên diện tích đất mà bà được nhận cho ông C, bà V (Theo như biên bản định giá tài sản của Tòa án).

+ Chị Trần Thị Tuyết **T** trình bày:

Ngày 03/12/2018 chị **T** cho ông C, bà V vay tiền 68.000.000 đồng có làm hợp đồng để nhận thế chấp thửa 167, tờ bản đồ số 15 để đảm bảo khoản vay. Đến ngày 30/10/2019 ông C, bà V đã trả số tiền 68.000.000 đồng chị **T** xong và đã xóa thế chấp. Cùng ngày chị **T** tiếp tục cho ông C, bà V vay số tiền 200.000.000 đồng và có nhận thế chấp quyền sử dụng đất thửa 167, tờ bản đồ số 15 do ông C, bà V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị **T** có đăng ký thế chấp ngày 30/10/2019.

Nay những người thừa kế của cụ Ảnh yêu cầu chia thừa kế thửa số 167 chị **T** yêu cầu ông C, bà V liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 30/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 54.000.000 đồng). Trường hợp ông C, bà V không trả được nợ, chị **T** yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 15 để thu hồi khoản nợ.

+ **Đ** diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh V là ông Nguyễn Văn **Đ** trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của **Đ** diện theo ủy quyền của ông Trương Văn C và không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị **Ẫ**;

1.1. Tuyên bố hợp đồng tặng cho số 667/HĐDS ngày 14/8/1999 và tờ giao đất cho con ngày 05/8/1999 giữa hộ cụ Huỳnh Thị Ảnh và ông Trương Văn C là vô hiệu.

1.2. Về yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 45 và thửa 167 cùng tờ bản đồ số 15.

Ông Trương Văn L được chia diện tích 3.823,3m^2 thửa 45 theo các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 186,4m^2 thửa 167 theo các mốc 18, 19, 20, 21, 22, 23, 18 (sơ đồ phương án 3).

Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh được chia diện tích 3.823,4m^2 thửa 45 theo các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 6 và 186,3m^2 theo các mốc 22, 23, 24, 25, 22 (sơ đồ phương án 3).

Ông Trương Văn C được chia diện tích 3.823,3m^2 thửa 45 theo các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 và 186,3m^2 theo các mốc 24, 25, 26, 29, 28, 27, 24 (sơ đồ phương án 3).

Bà Trương Thị **Ẫ** được chia diện tích là 1.004m^2 thể hiện qua các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17, 12 (sơ đồ phương án 3).

Ông, bà Trương Văn L, Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh, Trương Văn C và Trương Thị **Ẩ** đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc ngày 24/02/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, Sơ đồ phương án 3).

1.3. Về tiền bồi thường đất và chuyển đổi nghề nghiệp:

Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền là 31.302.800 đồng.

Ông Trương Văn L được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền 6.694.200 đồng.

Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V phải trả cho ông Trương Văn L số tiền 24.608.600 đồng.

2. Về giá trị cây trồng tài sản trên đất:

- Ông Trương Văn L phải trả cho Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh số tiền 35.923.000 đồng và trả cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 56.090.000 đồng.

- Các đương sự Kha Phú Đ, Kha Phú Đ, Kha Thị Kim Hạnh liên đới trả cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 27.525.000 đồng.

- Bà Trương Thị **Ẩ** phải trả cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 27.022.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay và lãi, không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của chị Trần Thị Tuyết **T**.

3.1. Buộc Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V liên đới trả cho chị Trần Thị Tuyết **T** số tiền 254.000.000 đồng (vốn vay là 200.000.000 đồng; lãi là 54.000.000 đồng).

3.2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 30/10/2019 giữa ông C, bà V và chị **T** vô hiệu.

3.3. Chị Trần Thị Tuyết **T** phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa BC717786, số vào sổ CH00485 đất thửa đất số 167, tờ bản đồ số 15, diện tích 722m^2 (đo đạc thực tế 559m^2) cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V, để chia thừa kế theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2022 ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không chia thừa kế cho ông Trương Văn C, chia thừa kế theo sơ đồ đo đạc phương án 2. Tiền đền bù do mở rộng đường Sông Tiền ông L yêu cầu được nhận 47.000.000đ; Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh yêu cầu nhận 46.908.400đ. Không đồng ý bồi thường cây trồng cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, ông Đ, anh Đ và chị Hạnh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị **Đ** diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên Cu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn C vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 45, 167 cùng tờ bản đồ số 15 là di sản của cụ Ảnh. Cụ Ảnh chết không để lại di chúc nên chia di sản của cụ Ảnh cho các đồng thừa kế theo pháp luật là có căn C. Ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh kháng cáo cho rằng trước đây ông C lấy 02 thửa đất nêu trên thế chấp ngân hàng để vay tiền. Do không trả được nợ nên ngân hàng phát mãi đất. Vì sợ mất đất nên ông L đã bỏ tiền ra để trả cho ngân hàng và UBND xã tổng cộng là 54.000.000đ để giữ lại đất nên không đồng ý chia thừa kế cho ông C là không phù hợp. Bởi vì, việc này không được ông C đồng ý. Hơn nữa cũng không có căn C để xác định việc

ông L trả nợ cho ông C thì ông C không được chia thừa kế. Đối với số tiền nêu trên ông L không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông L cho rằng do ông C giả mạo chữ ký của cụ Ảnh trong hợp đồng tặng cho ngày 04/8/1999 và Tờ cho đất cho con ngày 05/8/1999 nên bị tước quyền thừa kế là không phù hợp với quy định tại Điều 621 Bộ luật dân sự. Bởi vì, các văn bản trên không phải di chúc theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các đương sự kháng cáo về phần này là không có căn C. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 45 nêu trên có 950m^2 đất ở nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm. Tòa án cấp sơ thẩm khi chia thừa kế cho các đương sự nhưng không xác định rõ mục đích sử dụng đất sẽ làm khó khăn trong việc thi hành án. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất nếu chia thừa kế theo Bản án sơ thẩm thì đồng ý đối với đất ở nông thôn chia cho bà **Ẩ** 50m^2; ông L 300m^2; ông Đ, anh Đ, chị Hạnh 300m^2; ông C 300m^2. Xét thấy, đây là sự tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Đối với số tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất để mở rộng đường Sông Tiền, ông L kháng cáo yêu cầu được nhận 47.000.000đ, ông Đ, anh Đ, chị Hạnh kháng cáo yêu cầu nhận 46.908.400đ là không phù hợp. Bởi vì, số tiền Nhà nước bồi thường xuất phát từ phần đất là di sản của cụ Ảnh nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đều cho các đương sự là có căn C.

[3] Về cây trồng trên đất ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh kháng cáo không đồng ý trả giá trị cây cho ông C, bà V trên phần đất mình được hưởng thừa kế do trước đây C đã chặt phá cây của ông L trên đất là không phù hợp. Bởi vì, ông không có chứng C chứng minh và ông C cũng không thừa nhận. Mặt khác, khi xảy ra sự việc ông cũng không trình báo chính quyền địa phương, không lập biên bản nên không có căn C để xem xét. Tuy nhiên, căn C vào biên bản định giá tài sản ngày 17/3/2021 (Phương án 3) thể hiện cây trồng của bà Dung có trên diện tích đất thuộc thửa 45 chia thừa kế cho ông C trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 có giá là 4.510.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L **Đ** diện cho ông Đ, anh Đ và chị Hạnh (Người thừa kế của bà Dung) yêu cầu nếu chia thừa kế đất cho ông C thì yêu cầu ông C phải trả giá trị cây của bà Dung có trên đất chia cho ông C cho những người thừa kế của bà Dung là ông Đ, anh Đ và chị Hạnh. Đồng thời, yêu cầu được sở hữu các cây trồng của ông C và bà V có trên đất

mà ông, ông Đ, anh Đ và chị Hạnh được chia và các ông và anh chị phải trả giá trị cây cho ông C và bà V. Còn anh **Đ Đ** diện cho ông C cũng đồng ý nếu có căn C thì ông C đồng ý trả giá trị cây trồng cho những người thừa kế của bà Dung. Vì vậy, ông C phải trả giá trị cây cho những người thừa kế của bà Dung là 4.510.000đ và các đương sự được sở hữu toàn bộ cây trồng có trên phần đất mà mình được chia thừa kế.

[4] Xét ý kiến của vị **Đ** diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn C nên chấp nhận.

Từ những căn C nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn C khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 124, Điều 133, Điều 317, Điều 459, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 609, Điều 620, Điều 623, Điều 650 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị **Ẩ**.

4. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 667/HĐDS ngày 04/8/1999 và "Tờ giao đất cho con" ngày 05/8/1999 giữa cụ Huỳnh Thị Ảnh với ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V là vô hiệu.

5. Ông Trương Văn L được chia thừa kế diện tích đất 3.823,3m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở tại nông thôn, 3.523,3m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 45 trong phạm vi các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 14, 9 và 186,4m^2 (Đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 167 trong phạm vi các mốc 18, 19, 20, 21, 22, 23, 18 (Theo sơ đồ phương án 3) và được sở hữu toàn bộ cây trồng có trong diện tích đất nêu trên. Đất tại xã An Nhơn huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và Kha Thị Kim Hạnh được chia thừa kế diện tích đất 3.823,4m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở tại nông thôn, 3.523,4m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 45 theo các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 6 và 186,3m^2 (Đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 167 trong phạm vi các mốc 22, 23, 24, 25, 22 (Theo sơ đồ phương án 3) và được sở hữu toàn bộ cây trồng có trong diện tích đất nêu trên. Đất tại xã An Nhơn huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Trương Văn C được chia thừa kế diện tích đất 3.823,3m^2 (Trong đó có 300m^2 đất ở tại nông thôn, 3.523,3m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 45 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 và 186,3m^2 (Đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 167 trong phạm vi các mốc 24, 25, 26, 29, 28, 27, 24 (Theo sơ đồ phương án 3) và được sở hữu toàn bộ cây trồng có trong diện tích đất nêu trên. Đất tại xã An Nhơn huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Trương Thị **Ẩ** được chia thừa kế diện tích đất 1.004m^2 (Trong đó có 50m^2 đất ở tại nông thôn, 954m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 45 trong phạm vi các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 17, 12 (Theo sơ đồ phướng án 3) và được sở hữu toàn bộ cây trồng có trong diện tích đất nêu trên. Đất tại xã An Nhơn huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ, chị Kha Thị Kim Hạnh phải giao diện tích đất chia thừa kế nêu trên cho ông C và bà **Ẩ** sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Văn L, ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ, chị Kha Thị Kim Hạnh, ông Trương Văn C, bà Trương Thị **Ẩ** được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/02/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, Sơ đồ phương án 3).

Đề nghị UBND huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C và bà V đối với thửa đất số 45 và 167 để cấp lại cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

10. Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận 31.302.800đ (Ba mươi mốt triệu ba trăm linh hai nghìn tám trăm đồng) tiền bồi thường về đất và chuyển đổi nghề nghiệp.

11. Ông Trương Văn L được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận 6.694.200đ (Sáu triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm đồng) tiền bồi thường về đất và chuyển đổi nghề nghiệp.

12. Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V phải trả cho ông Trương Văn L 24.608.600đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng) tiền bồi thường về đất và chuyển đổi nghề nghiệp.

13. Ông Trương Văn L phải trả giá trị cây trồng cho ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh số tiền 35.923.000đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) và trả cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 56.090.000đ (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

14. Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ, chị Kha Thị Kim Hạnh liên đới trả giá trị cây trồng cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 27.525.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

15. Bà Trương Thị **Ẩ** phải trả giá trị cây trồng cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V số tiền 27.022.000đ (Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

16. Ông Trương Văn C phải trả giá trị cây trồng cho Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ, chị Kha Thị Kim Hạnh số tiền 4.510.000đ (Bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng).

17. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay và lãi, không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của chị Trần Thị Tuyết **T**.

18. Buộc Ông Trương Văn C và bà Lê Thị Thanh V liên đới trả cho chị Trần Thị Tuyết **T** số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và 54.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 254.000.000đ (Hai trăm năm mươi bốn triệu đồng).

19. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 30/10/2019 giữa ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V và chị Trần Thị Tuyết **T** là vô hiệu.

20. Chị Trần Thị Tuyết **T** phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa BC717786, số vào sổ CH00485, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 15, diện tích 722m^2 (Đo đạc thực tế 559m^2) cho ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V để chia thừa kế theo quy định.

21. Về án phí:

- Ông Trương Văn L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009191 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Ông Kha Phú Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009190 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Anh Kha Phú Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009189 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Chị Kha Thị Kim Hạnh được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0009188 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

- Ông Trương Văn L phải chịu 16.049.280 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh phải liên đới chịu 22.987.530 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương Văn C và bà Lê Thị Thanh V phải liên đới chịu 34.611.280 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị Tuyết **T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 6.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002936 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị **T** được nhận lại 6.050.000 đồng.

- Bà Trương Thị **Ẩ** phải chịu 4.347.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

22. Về chi phí tố tụng khác:

- Ông Trương Văn L phải chịu 2.593.630 đồng (Đã nộp xong).

- Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V phải liên đới chịu 2.900.000 đồng (Đã nộp xong).

Ông Trương Văn C, bà Lê Thị Thanh V phải liên đới trả cho ông Trương Văn L 2.593.630 đồng. Ông Kha Phú Đ, anh Kha Phú Đ và chị Kha Thị Kim Hạnh phải liên đới trả cho ông Trương Văn L 2.593.630 đồng. Bà Trương Thị **Ẩ** phải trả cho ông Trương Văn L 649.000 đồng, do ông L đã tạm ứng trước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt